

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhuận
2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Danh Đại Thắng - Cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương: Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 1210/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐST- HNGĐ ngày 02/01/2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; trú tại: Khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Xuân N, sinh năm 1982; trú tại: Khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2017, nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà Nguyễn Thị T và ông Trần Xuân N chung sống vợ chồng với nhau từ năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2007, quyển số 01, ngày 30/01/2007.

Quá trình chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2016, ông Trần Xuân N thường hay đánh bạc, chơi số đề mất rất nhiều tiền, không chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái. Bà Nguyễn Thị T phải thay ông Trần Xuân N trả nợ nhiều lần, nhiều lần bà Nguyễn Thị T khuyên giải nhưng ông Trần Xuân N không nghe nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống riêng 5 tháng, không ai quan tâm chăm sóc cho ai.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/6/2011 và Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/01/2016.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, tình cảm vợ chồng không có khả năng hàn gắn nên bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trần Xuân N

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/01/2016. Giao cho ông Trần Xuân N nuôi dưỡng con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/6/2011. Không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Quá trình tố tụng tại Tòa án bị đơn đều vắng mặt

Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông Trần Xuân N cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn vắng mặt lần hai đối với việc xét xử.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn vắng mặt toàn bộ trong quá trình tố tụng tại Tòa án xem như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Xuân N và yêu cầu được nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – ông Trần Xuân N có nơi cư trú tại khu phố B, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về thời hiệu: Việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu giải quyết việc ly hôn với ông Trần Xuân N là quyền yêu cầu bảo vệ về nhân thân nên theo Điều 155 Bộ luật dân sự không tính thời hiệu khởi kiện.

[4] Về việc xét xử vắng mặt: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt của bị đơn xem như từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện (đơn khởi kiện yêu cầu nuôi 01 con chung nay yêu cầu nuôi 02 con chung). Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trần Xuân N được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 07/2007, quyền số 01, ngày 30/01/2007 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Trần Xuân N với lý do: Ông Trần Xuân N thường hay đánh bạc, chơi số đề mất rất nhiều tiền, không chăm lo gia đình, nuôi dạy con cái. Bà Nguyễn Thị T phải thay ông Trần Xuân N trả nợ nhiều lần, nhiều lần bà Nguyễn Thị T khuyên giải nhưng ông Trần Xuân N nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng đã sống riêng 5 tháng, không ai quan tâm chăm sóc cho ai.

Quá trình tố tụng Tòa án tiến hành xác minh các đoàn thể, hàng xóm của vợ chồng ông Nghĩa và bà Nguyễn Thị T tại nơi cư trú nhưng không ai có thông tin gì về việc vợ chồng ông Trần Xuân N và bà Nguyễn Thị T mâu thuẫn. Trong suốt quá trình tố tụng ông N đều vắng mặt nên được xem là tự từ bỏ quyền trình bày đưa ra chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền lợi cho mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn để xem xét giải quyết.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân tồn tại bền vững dựa trên tình cảm của vợ chồng, sống có trách nhiệm, thương yêu, chăm sóc, quan tâm lẫn nhau. Ông Trần Xuân N vì ham mê đánh bạc nên dẫn đến thiệt hại về kinh tế gia đình, không nghe lời khuyên giải của bà Nguyễn Thị T mà còn dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không ai quan tâm đến ai, mạnh ai nấy sống đã 5 tháng nay nên việc bà Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn với ông Trần Xuân N là hoàn toàn phù hợp với pháp luật và đạo lý. Do vậy, Hội đồng xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị T yêu cầu được nuôi 02 con chung. Bà Nguyễn Thị T xuất trình chứng cứ là giấy xác nhận mức lương của bà Nguyễn Thị T tại Công ty Quốc tế công nghiệp gỗ Yang Cheng với mức lương hơn 6.000.000 đồng/tháng. Từ khi vợ chồng sống riêng, con chung ở với bà Nguyễn Thị T. Bà Nguyễn Thị T nuôi con tốt nên các con phát triển bình thường, có sức khỏe và được học hành. Còn ông Trần Xuân N sống không có trách nhiệm với gia đình nên việc bà Nguyễn Thị T yêu cầu nuôi 02 con chung là có căn cứ chấp nhận. Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Xuân N về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông ông Trần Xuân N

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Thế V, sinh ngày 13/6/2011 và Trần Nguyễn Bảo C, sinh ngày 01/01/2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Trần Xuân N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0017881 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- UBND xã K, huyện, thành phố Hải Phòng;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí